

Bản án số: 05/2021/DS-ST.

Ngày: 23/3/2021.

“V/v: Kiện tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh G.

Ngày 23/3/2021, tại trụ sở TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST-DS ngày 23/10/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐST-DS ngày 28/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Công H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố (TDP) 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thiện N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Hbang, xã Kông Long Khong, huyện K, tỉnh G.

Anh H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Lê Công H thì vào ngày 13/7/2019, anh Trần Thiện N đến nhà anh và đặt vấn đề mượn số tiền 160.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Anh đã đồng ý cho anh N mượn số tiền trên và anh N tự nguyện viết giấy mượn tiền, ký và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền và giao lại cho anh giữ, nay giấy này được anh nộp cho Tòa án để làm chứng cứ. Khi vay tiền anh N hẹn đến ngày 23/7/2019 sẽ hoàn trả cho anh số tiền trên. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù anh đã nhiều lần gặp đòi nhưng anh N cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà không chịu trả nợ. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu anh N phải trả ngay cho anh số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng.

Việc anh N khai là anh N đã trả được cho anh số tiền 76.500.000 đồng và còn nợ 83.500.000 đồng là không đúng sự thật vì từ khi vay tiền cho đến nay thì anh N chưa trả cho anh một đồng tiền nợ nào cả.

Về phía bị đơn anh Trần Thiện N, anh thừa nhận là vào ngày 13/7/2019 anh có vay của anh H số tiền là 160.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, anh đã viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 23/7/2019 sẽ trả đủ cho anh H số tiền nợ trên. Tuy nhiên, do gặp khó khăn nên đến khoảng tháng 8/2019, anh mới trả được cho anh H 76.500.000 đồng và còn nợ lại 83.500.000 đồng. Nay anh H khởi kiện yêu cầu anh trả nợ 160.000.000 đồng thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả cho anh H số tiền nợ còn lại là 83.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện K, tỉnh G đã triệu tập anh N đến Tòa án tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng anh N luôn vắng mặt. Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 24/02/2021 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh N luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CMND mang tên Lê Công H (*bản sao*); 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Lê Công H (*bản sao*); 01 Giấy mượn tiền có nội dung anh Trần Thiện N, thôn Hbang, xã Kông Long Khong, huyện K, tỉnh G mượn của anh Lê Công H số tiền 160.000.000 đồng, vay ngày 13/7/2019 hẹn đến ngày 23/7/2019 sẽ trả đủ số tiền nợ trên, cuối giấy có chữ ký và chữ viết ghi họ tên người vay Trần Thiện N (*bản chính*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Lê Công H, sinh năm 1982, có địa chỉ tại: TDP 12, thị trấn K, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh H giao nộp là Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lê Công H (*bản sao*) và Giấy CMND mang tên Lê Công H (*bản sao*).

Anh Trần Thiện N, sinh năm 1983, có địa chỉ tại: Thôn Hbang, xã Kông Long Khong, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua Giấy mượn tiền ngày 13/7/2019 (*bản chính*) và bản tự khai ngày 05/11/2020 của anh N (*bản chính*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Lê Công H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Trần Thiện N phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng. Anh H là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh G theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công H, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền có nội dung anh Trần Thiện N có mượn của anh H số tiền là 160.000.000 đồng, vay ngày 13/7/2019 và hẹn đến ngày 23/7/2019 sẽ trả đủ số tiền nợ trên, phía dưới nội dung này có chữ ký và chữ viết họ tên người vay Trần Thiện N. Quan hệ vay mượn tiền giữa hai bên và chứng cứ là giấy mượn tiền nói trên đã được anh N thừa nhận, điều này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ, buộc anh N phải trả cho anh H số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng.

HĐXX không chấp nhận lời khai của anh N về việc anh đã trả được cho anh H 76.500.000 đồng và chỉ còn nợ lại 83.500.000 đồng vì anh N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình và lời khai này cũng không được anh H thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh N nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc anh đã trả tiền cho anh H cũng như tham gia các phiên công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức để làm rõ quan hệ vay nợ giữa hai bên nhưng anh luôn vắng mặt. Việc anh N tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình đã thể hiện rõ việc anh vẫn còn vay nợ anh H số tiền là 160.000.000 đồng nên anh phải có N vụ trả cho anh H toàn bộ số tiền nợ này.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của anh H được chấp nhận toàn bộ nên anh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST), hoàn trả cho anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh N phải chịu án phí DSST theo quy định là 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công H, buộc bị đơn anh Trần Thiện N phải trả cho anh H số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (THA) cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải THA theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc anh Trần Thiện N phải chịu số tiền án phí là 8.000.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Lê Công H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003544 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh G xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

